TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HS-ST
Ngày: 06-12-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Truyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Rô

Ông Dương Quốc Võ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa: Bà Tăng Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2021/TLST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Kiều Văn H sinh ngày 14/10/1994; tại tỉnh Q.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm M, phường N, thị xã P, tỉnh Q; nơi cư trú: khóm M, phường N, thị xã P, tỉnh Q; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kiều Văn T sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Nh sinh năm 1972; có vợ và 02 con; tiền án: không; tiền sự: 02 lần: lần 01 ngày 02/4/2021 bị Ủy ban nhân dân xã N xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi *"Trộm cắp tài sản";* lần 02: ngày ngày 22/6/2021 bị Ủy ban nhân dân phường N áp dụng biện pháp giáo dục tại phường về hành vi nhiều lần sử dụng trái phép chất ma túy; nhân thân: xấu; ngày 09/9/2021 bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

2. Trần Hoàng Tuấn sinh ngày 19/12/1992; tại tỉnh Trà Vinh.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Q; nơi cư trú: ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh D sinh năm 1962 (chết) và bà Trần Thị Bé N sinh năm 1972; sống chung như vợ chồng và có 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt; ngày 09/9/2021 bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại:*

1/. Ông Phạm Tiến Ph sinh năm 1992; trú tại: ấp M, xã N, thị xã P, tỉnh Q; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/. Ông Phạm Minh T sinh năm 1967; trú tại: khóm M, phường N, thị xã P, tỉnh Q; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3/. Bà Dương Thị B sinh năm 1989; trú tại: khóm M, phường N, thị xã P, tỉnh Q; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/. Ông Mai Văn T sinh năm 1996; trú tại: khóm M, phường N, thị xã P, tỉnh Q; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/. Ông Phan Vũ T, sinh năm 1982; trú tại: khóm M, phường N, thị xã P, tỉnh Q; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3/. Bà Võ Ngọc Như sinh năm 1998; khóm 1, phường 2, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4/. Ông Dương Thanh V, sinh năm 1979; khóm M, phường N, thị xã P, tỉnh Q; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 05/6/2021 bị cáo T đang điều khiển xe mô tô 84G1-390.44 đi ngang qua ấp M, xã N, thị xã P thì nhìn thấy nhà của ông Ph có trồng cây Mai trong chậu để trước của nhà nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 22 cùng ngày, bị cáo điều khiển xe đến vị trí để cây Mai, bị cáo dùng tay nhổ cây Mai khỏi chậu rồi chở về để trước nhà của ông T ở khóm M, phường N, thị xã P

Khoảng 22 giờ ngày 05/6/2021 bị cáo H một mình điều khiển xe mô tô 84H1-6355 trên đường đi mua card điện thoại về ngang nhà của ông T ở khóm M, phường N, thị xã P nhìn thấy cây Mai của ông T trồng trong chậu để trước của nhà nên nảy sinh ý định lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài. Bị cáo H xuống xe đi đến dùng tay nhổ cây Mai rồi chở về để trước cửa nhà ông T ở khóm M, phường N, thị xã P.

Ngoài vụ trộm tài sản riêng bị cáo H và T còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 22/6/2021 bị cáo H chở bị cáo T bằng xe mô tô 84H1-6355 đi đến phường N, thị xã P để rút tiền. Trên đường đi về nhà ngang

nhà bà B khóm M, phường N thì bị cáo H và bị cáo T nhìn thấy trước cửa nhà bà B có cây Mai trồng trong chậu nên cả hai nảy sinh ý định lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài. Cả bị cáo H và T dùng tay nhổ cây Mai ra khỏi chậu, để lên xe và bị cáo H chở bị cáo T ngồi sau ôm cây Mai về để gần nhà H, sau đó gửi ông T bán dùm. Ông T đã bán được cây Mai cho ông T với giá 3.000.000 đồng rồi đưa hết cho bị cáo H, bị cáo H lấy 1.500.000 đồng đưa lại cho ông T 500.000 đồng và đưa cho bị cáo T 1.000.000 đồng. Ngày 09/7/2021 bị cáo H đến cơ quan điều tra nộp lại số tiền 1.500.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐG ngày 16/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản kết luận:

- 01 cây Mai, gốc hoành 40cm, cao 1,46m; các cành đã bị cắt gần sát thân cây, không có lá; gốc được quấn lại bằng bao màu trắng và được quấn lại bằng băng keo màu vàng, được đánh dấu số (2), có giá 3.000.000 đồng.

- 01 cây Mai, gốc hoành 39 cm, cao 1m; có nhánh, tàn cây đều quanh thân, không có lá; gốc được quấn lại bằng bao nilong, được đánh dấu số (1), có giá 7.000.000 đồng.

- 01 cây Mai, gốc hoành 46 cm, cao 1,8m; có nhánh nhỏ hai bên, có nhiều lá, không có lá; gốc được quấn lại bằng bao nilong, được đánh dấu số (3), có giá 5.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 43/CT-VKS-HS ngày 22/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải truy tố bị cáo Kiều Văn H và Trần Hoàng T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Tuấn và bị cáo Huynh khai nhận như sau:

Bị cáo T khai: khoảng 18 giờ ngày 05/6/2021 khi bị cáo điều khiển xe mô tô 84G1-390.44 từ nhà mẹ vợ về ngang ấp M, xã N thì nhìn thấy nhà ông Ph có trồng cây Mai trong chậu để trước của nhà nên bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 22 cùng ngày bị cáo nhổ cây Mai đem về để trước cửa nhà ông T ở khóm M, phường N nhờ bán dùm, lần này chỉ có một mình bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và không ai biết.

Bị cáo H khai: khoảng 22 giờ ngày 05/6/2021 bị cáo điều khiển xe mô tô 84H1-6355 đi mua card điện thoại, khi về ngang nhà ông T ở khóm N, phường N, bị cáo nhìn thấy trước nhà ông T có cây Mai trồng ở trong chậu nên nảy sinh ý định lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo nhổ cây Mai chở về để

trước cửa nhà ông T ở khóm M, phường N nhờ bán dùm. Lần này bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản một minh và không ai biết.

Bị cáo H và T cũng khai nhận: khoảng 22 giờ ngày 02/6/2021 bị cáo H chở bị cáo T bằng xe mô tô 84H1 – 6355 đến phường N để rút tiền. Trên đường về thì hai bị cáo thấy nhà bà B ở khóm M, phường N có cây Mai trồng trong chậu để trước nhà nên cả hai thống nhất lấy trộm về bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Do đó cả hai bị cáo cùng nhổ cây Mai ra khỏi chậu để lên xe đem về gửi ông Tài ở khóm M, phường N, bán dùm. Khi ông T bán được 3.000.000 đồng bị cáo H cho ông T 500.000 đồng, chia cho bị cáo T 1.000.000 đồng và bị cáo H lấy 1.500.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo H và T thống nhất về kết luận định của Hội đồng định giá.

Kiểm sát viên luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; các Điều 17 và 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Kiều Văn H từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; các Điều 17 và 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Hoàng T từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Về vật chứng: áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử cho ông Phan Vũ T được nhận số tiền 2.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Buộc bị cáo Trần Hoàng T trả cho ông Phan Vũ Toàn 1.000.000 đồng.

- Các bị cáo H và T không phát biểu ý kiến tranh luận. Bị cáo H và T nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Lời khai của các bị cáo H và T tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do cơ quan điều tra thu thập được. Trên cơ sở đánh giá, xem xét toàn diện các chứng cứ có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 22 giờ ngày 05/6/2021 tại ấp M, xã N, thị xã P bị cáo T thực hiện hành vi lén lút lấy trộm 01 cây Mai của Ông Ph và cùng thời gian này tại khóm M, phường N, thị xã P bị cáo H có hành vi lén lút lấy trộm 01 cây Mai của ông T. Khoảng 22 giờ ngày 02/6/2021 tại khóm M, phường N bị cáo H và T cùng nhau thực hiện hành vi lén lút lấy trộm 01 cây Mai của bà B. Mục đích của bị cáo H và T đều là lấy trộm tài sản để nhờ ông T bán dùm lấy tiền tiêu xài cá nhân. Ngày 05/06/2021 các bị cáo T và H thực hành vi trộm cắp tài sản độc lập, không có đồng phạm.

[2] Bị cáo H và T là những người có năng lực trách nhiệm dân sự đầy đủ, đều nhận biết việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật. Ngày 05/6/2011 bị cáo Tlấy trộm tài sản là 01 cây Mai của ông Ph có giá trị 7.000.000 đồng và bị cáo H lấy trộm tài sản là 01 cây Mai của ông T có giá trị 5.000.000 đồng; ngày 02/6/2021 bị cáo H và bị cáo T cùng thực hiện hành vi lấy trộm tài sản là 01 cây Mai của bà B có giá trị là 3.000.000 đồng. Như vậy hành vi của các bị cáo H và T đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Vì lòng tham các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhiều lần với mục đích để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân; hành vi của các bị cáo không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác và còn làm mất trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo H là người có nhân thân xấu, ngày 02/4/2021 bị Ủy ban nhân dân xã N xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi *"Trộm cắp tài sản"* và ngày ngày 22/6/2021 bị Ủy ban nhân dân phường N áp dụng biện pháp giáo dục tại phường về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên bị cáo H không biết ăn năn, hối cải bị cáo tiếp tục nhiều thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể: ngày 05/6/2021 bị cáo thực hiện hành vi lấy trộm cây Mai của ông T có giá 5.000.000 đồng và ngày 02/6/2011 bị cáo cùng bị cáo T cùng nhau lấy trộm cây Mai của bà B có giá trị 3.000.000 đồng. Bị cáo T ngày 05/6/2011 thực hiện hành vi lấy trộm tài sản một cây Mai của ông Ph có giá trị 7.000.000 đồng và cùng bị cáo H cùng nhau lấy trộm cây Mai của bà B có giá trị 3.000.000 đồng. Từ cơ sở phân tích trên, phải xử lý nghiêm và

cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định đủ thời gian cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản dưới dạng đồng phạm giản đơn, không có người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy để phân công nhiệm vụ. Bị cáo H và bị cáo T đều là người thực hành cùng nhau lấy trộm cây Mai của bà B có giá trị 3.000.000 đồng. Khi bán được tài sản bị cáo H là người trực tiếp chia tiền cho bị cáo T 1.000.000 đồng, bị cáo được hưởng nhiều nhất với số tiền 1.500.000 đồng và bị cáo H cho ông T 500.000 đồng, cho thấy bị cáo H là người có tích cực nhất trong việc ăn chia. Ngoài ra bị cáo H thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có giá trị 5.000.000 đồng và bị cáo T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có giá trị 7.000.000 đồng nên các phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt và chịu trách nhiệm chung với hành vi đồng phạm tương ứng với giá trị tài sản cùng chiếm đoạt là 3.000.000 đồng.

5] Về các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách hình sự; tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, ngoài ra gia đình của bị cáo H có công với cách mạng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo H và T thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"phạm tội hai lần trở lên"* theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về áp dụng hình phạt: Phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích đúng tính chất, mức độ, vai trò, vị trí và hậu quả của hành vi phạm tội cũng như nhân thân của từng bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Quan điểm buộc tội của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các tình tiết và các tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối vơi ông T là người bán dùm tài sản cho các bị cáo, nhưng ông T không biết tài sản là do các bị cáo trộm cắp mà có vì: lần trộm ngày 02/6/2021 bị cáo H và T chở cây Mai về để gần nhà bị cáo H đến sáng hôm sau bị cáo H điện thoại cho T nhờ bán dùm; còn lần hai bị cáo H và T trộm ngày 05/6/2021 đem cây Mai về để trước nhà ông T, đến sáng hôm sau bị cáo T điện thoại cho bị cáo H nói nhờ ông T bán dùm nên hai bị cáo đến gặp ông T thì sau đó bị Công an phát hiện nên Hội đồng xét xử xử không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

[9] Về xử lý vật chứng: Xe mô tô 84H1-6355 bị cáo H sử dụng làm phương tiện thực hiện trộm cắp tài sản, nhưng bà Nh không biết và đã giao cho bà Nh quản lý, sử dụng; xe mô tô 84G1 – 39044 bị cáo T sử dụng làm phương tiện trộm cắp tài sản, nhưng ông V không biết và đã giao ông V quản lý, sử dụng, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[9.1]. Bị cáo H đã nộp số tiền 1.500.000 đồng và ông T đã nộp số tiền 500.000 đồng để trả lại cho ông T, tại phiên tòa bị cáo T đồng ý trả cho ông T số tiền 1.000.000 đồng. Do đó ông T được nhận số tiền 1.500.000 đồng do bị cáo H nộp và 500.000 đồng do ông T nộp và buộc bị cáo T trả cho ông Toàn số tiền 1.000.000 đồng.

[10] Về trách nhiệm dân sự: không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí, giảm án phí và không thuộc trường hợp không phải nộp án phí. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo H và T mỗi bị cáo phải phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Bị cáo T chịu 300.000 đồng án phí dân sự.

[12] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã Duyên Hải, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: các bị cáo Kiều Văn H và Trần Hoàng T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*

Căn cứ khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và các Điều 17 và 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Kiều Văn H 11 (mười một) tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Thời hạn phạt tù của bị cáo Kiều Văn H được tính từ ngày chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và các Điều 17 và 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Hoàng T 10 (tháng) tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Thời hạn phạt tù của bị cáo Trần Hoàng T được tính từ ngày chấp hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

Ông Phan Vũ T được nhận số tiền 2.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Buộc bị cáo Trần Hoàng T trả cho ông Phan Vũ T 1.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc các bị cáo Kiều Văn Huynh và Trần Hoàng Tuấn mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Trần Hoàng Tuấn nộp 300.000 đồng án phí dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- STP tỉnh Trà Vinh;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CA thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- UBND xã, phường;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Truyền